

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 248/2023/DS-ST
Ngày : 17 - 11 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đỗ Sơn Hùng;
- Ông Lê Cao Trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 333/2023/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 629/2023/QĐST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* NHTMCPNTVN.

Địa chỉ trụ sở: Số 198 TQK, p LTT, q HK, TPHN.

Người đại diện theo pháp luật: Ông PQD, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Ông NTT, chức vụ: Trưởng phòng khách hàng NHTMCPNTVN, chi nhánh An Giang. Địa chỉ: Số 26, HBT, p ML, TPLX, tỉnh AG. (Theo Giấy ủy quyền số 08/UQ-AGI-HCNS, ngày 16/02/2023) (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà NTTL, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp BC, xã BC, huyện CP, tỉnh AG. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông NVP; địa chỉ: Tổ 22, ấp BĐ, xã BP, huyện CP, tỉnh AG. (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của NHTMCPNTVN do ông NTT là đại diện theo ủy quyền

trình bày:

Theo Hợp đồng tín dụng số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 được ký kết giữa Chi nhánh Ngân hàng TMCP Ngoại thương An Giang (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà NTTL, theo đó Ngân hàng có cho bà NTTL vay với hạn mức cho vay theo hợp đồng là 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng). Mục đích cho vay: Kinh doanh cầm đồ.

- Ngày 03/01/2019 bà NTTL ký giấy nhận nợ số 01 với số tiền 510.000.000 đồng, thời hạn 5 tháng, lãi suất cố định 9%/năm. Ngày 03/06/2019 khách hàng đã trả tất nợ giấy nhận nợ 01 số tiền 510.000.000 đồng.

- Ngày 07/01/2019 bà NTTL ký giấy nhận nợ số 02 với số tiền 290.000.000 đồng, thời hạn 5 tháng, lãi suất cố định 9%/năm. Ngày 06/06/2019 khách hàng đã trả tất nợ giấy nhận nợ 02 số tiền 290.000.000 đồng.

- Ngày 04/06/2019 bà NTTL ký giấy nhận nợ số 03 với số tiền 510.000.000 đồng, thời hạn 5 tháng, lãi suất cố định 8%/năm. Ngày 04/11/2019 khách hàng đã trả tất nợ giấy nhận nợ 03 số tiền 510.000.000 đồng.

- Ngày 07/06/2019 bà NTTL ký giấy nhận nợ số 04 với số tiền 290.000.000 đồng, thời hạn 5 tháng, lãi suất cố định 8%/năm. Ngày 04/11/2019 khách hàng đã trả tất nợ giấy nhận nợ 04 số tiền 290.000.000 đồng.

- Ngày 04/11/2019 bà NTTL ký giấy nhận nợ số 05 với số tiền 800.000.000 đồng, thời hạn 5 tháng, lãi suất cố định 8%/năm. Ngày 26/06/2021 khách hàng trả nợ 350.000.000 đồng và ngày 05/04/2022 trả nợ 20.000.000 đồng. Dư nợ còn lại của giấy nhận nợ 05 là 430.000.000 đồng.

Tính đến thời điểm ngày 15/11/2023, tổng nợ của bà NTTL theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tại Ngân hàng là: 640.643.562 đồng (trong đó nợ gốc là: 430.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 144.111.233 đồng, nợ lãi phạt chậm trả gốc là: 66.532.329 đồng).

Ngoài ra, căn cứ yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 26/10/2017 của bà NTTL yêu cầu Ngân hàng phát hành loại thẻ tín dụng quốc tế sau đây:

- Loại thẻ: Vietcombank MasterCard
- Loại hình: Thẻ cá nhân
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng
- Hiệu lực: 36 tháng
- Hình thức bảo đảm thẻ: Khách hàng vay thế chấp

Sau khi Ngân hàng phát hành loại thẻ tín dụng quốc tế nêu trên theo yêu cầu, bà NTTL đã sử dụng để chi tiêu và còn dư nợ gốc, nợ lãi và phí phạt đến ngày 15/11/2023 là 266.793.606 đồng (trong đó nợ gốc là: 49.865.842 đồng, nợ lãi là: 31.797.218 đồng, lãi vượt mức 39.367.169 đồng, phí phạt là: 145.763.357 đồng).

Để đảm bảo cho các khoản vay nêu trên bà NTTL thế chấp tài sản theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 496/2015/VCB.AG ngày 04/10/2016 đối với tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 865118, sổ vào sổ cấp GCN: CH02093 do UBND huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2011; thửa đất số: 1453; tờ bản đồ số: 5; địa chỉ thửa đất: xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; diện tích: 20.000 m²; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp và yêu cầu bà NTTL thực hiện nghĩa vụ trả nợ nêu trên theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 và thanh toán thẻ tín dụng quốc tế. Tuy nhiên, tính đến nay bà NTTL vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, phí phạt cho Ngân hàng, liên tiếp vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Ngân hàng, cố tình không hợp tác, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng gây khó khăn lớn cho công tác thu hồi vốn của Nhà nước và quá trình xử lý, thu hồi nợ của Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc bà NTTL phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương toàn bộ số tiền tạm tính (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) đến hết ngày 15/11/2023 là: 907.437.168 đồng, bao gồm:

- Dư nợ Hợp đồng tín dụng số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 là 640.643.562 đồng, trong đó: nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 144.111.233 đồng; nợ lãi phạt chậm trả gốc: 66.532.329 đồng.

- Dư nợ thẻ tín dụng Quốc tế Vietcombank MasterCard là: 266.793.606 đồng, trong đó: nợ gốc 49.865.842 đồng; lãi trong hạn: 31.797.218 đồng; phí phạt vượt mức: 39.367.189 đồng, lãi do chậm thanh toán: 145.763.357 đồng.

2. Buộc bà NTTL phải tiếp tục trả lãi, phí phạt phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 và yêu cầu thanh toán khoản nợ của thẻ tín dụng quốc tế ngày 26/10/2017, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế Bà NTTL trả hết nợ gốc cho VCB.

3. Công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 496/2015/VCB.AG ngày 04/10/2016 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bà NTTL không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng VCB thông qua VCB Chi nhánh An Giang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Bà NTTL để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 865118, sổ vào sổ cấp GCN: CH02093 do UBND huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2011; thửa đất số: 1453; tờ bản đồ số: 5; địa chỉ thửa đất: xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; diện tích: 20.000 m²; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa.

Theo các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L có nội dung trình bày:

Nguyên vào ngày 04/11/2019 bà có ký Giấy nhận nợ số 05 với Ngân hàng để vay số tiền 800.000.000 đồng; thời hạn vay: 05 tháng, lãi suất vay cố định 8%/năm.

Ngày 26/6/2021 bà có trả được 350.000.000 đồng và ngày 05/4/2022 bà có trả thêm được 20.000.000 đồng. Như vậy dư nợ còn lại của bà trên Giấy nhận nợ số 5 là còn: 800.000.000 đồng – (350.000.000 đồng + 20.000.000 đồng) = 430.000.000 đồng.

Ngày 26/10/2017 nhận thẻ tín dụng hạn mức 50.000.000 đồng.

Bà đã đóng lãi và gốc cho phía Ngân hàng nhưng cho đến hôm nay chưa tất toán được các khoản nợ cho Ngân hàng là vì một số lý do: Làm ăn khó khăn kinh tế khó khăn, đại dịch Covid -19 ảnh hưởng đến việc làm ăn, mặc dù tôi đã tìm kiếm nhiều giải pháp khắc phục nhưng vẫn không được; cộng thêm bà có nhờ Ngân hàng cung cấp lại cho bà các thông tin liên quan về hợp đồng tín dụng, các thông tin liên quan để bà được hỗ trợ tất nợ nhưng đến nay đều bị Ngân hàng từ chối.

Căn cứ vào tình hình thực tế của bản thân và đánh giá khả năng trả nợ, xét thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định để được xem xét áp dụng các chính sách theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, kính đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện xem xét, hỗ trợ cho bà về việc cơ cấu lại thời gian trả nợ (cho bà xin thời gian 03-06 tháng), giảm mức lãi suất ngân hàng hàng tháng, miễn giảm lãi, phí phạt và giữ nguyên nhóm nợ trong thời gian từ nay đến ngày liền kề sau 03 tháng đến 06 tháng để bà và gia đình nhanh chóng trả nợ cho Ngân hàng.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà thống nhất số nợ gốc của Ngân hàng, không thống nhất số nợ lãi và xin Ngân hàng gia hạn thời hạn trả nợ cũng như xem xét, hỗ trợ bà về việc cơ cấu lại thời gian trả nợ, giảm mức lãi suất ngân hàng hàng tháng, miễn giảm lãi, phí phạt.

Tòa án đã mở phiên hòa giải do các đương sự không thống nhất về phần nợ lãi của bị đơn nên hòa giải không thành.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và xác định, ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

Về lãi tạm tính đến ngày 15/11/2023 như sau:

Đối với thẻ tín dụng Quốc tế (Vietcombank MasterCard) là: 266.793.606 đồng, trong đó: nợ gốc 49.865.842 đồng; lãi trong hạn: 31.797.218 đồng; phí phạt vượt mức: 39.367.189 đồng, lãi do chậm thanh toán: 145.763.357 đồng.

Đối với Hợp đồng tín dụng số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 là 640.643.562 đồng, trong đó: nợ gốc: 430.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 144.111.233 đồng; nợ lãi phạt chậm trả gốc: 66.532.329 đồng.

+ Đồng thời yêu cầu tiếp tục tính lãi kể từ ngày 16/11/2023 đến khi trả hết nợ với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay theo hạn mức số Theo Hợp đồng tín dụng số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 được ký kết giữa Chi nhánh

Ngân hàng TMCP Ngoại thương An Giang (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà NTTL, Giấy nhận nợ số 05 ngày 04/11/2029 của bà NTTL.

+ Công nhận hiệu lực của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 496/2015/VCB.AG ngày 04/10/2016 để đảm bảo cho việc thi hành án. Bà NTTL không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng VCB thông qua VCB Chi nhánh An Giang có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của Bà NTTL để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 865118, số vào sổ cấp GCN: CH02093 do UBND huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2011; thửa đất số: 1453; tờ bản đồ số: 5; địa chỉ thửa đất: xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; diện tích: 20.000 m²; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, trong quá trình giải quyết vụ án dân sự về quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng theo các quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo đúng các nguyên tắc, phạm vi xét xử, thành phần và sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa được đảm bảo đúng pháp luật của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết:* NHTMCPNTVN khởi kiện yêu cầu bà NTTL trả tiền vay. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự đối với hợp đồng tín dụng. Bà NTTL có nơi cư trú tại ấp Bình Chơn, xã Bình Chánh, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý giải quyết giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[1.2] *Về sự vắng mặt của đương sự:*

Ông NVP vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà NTTL đã được triệu tập hợp lệ nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của bà là phù hợp với qui định pháp luật tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hợp đồng cho vay theo hạn mức:

Hợp đồng tín dụng số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 giữa Ngân hàng với bà NTTL được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

Xét thấy, Hợp đồng tín dụng số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương An Giang chi nhánh An Giang và bà NTTL, theo đó Ngân hàng có cho bà NTTL vay với hạn mức cho vay theo hợp đồng là 800.000.000 đồng. Ngân hàng đã giao số tiền vốn vay cho bà L nhiều lần với tổng số tiền 800.000.000 đồng. Bà L đã trả một phần nợ gốc còn nợ lại 430.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng, bà L tham gia ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và đã nhận số tiền vốn vay là 800.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn có thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi suất và một phần nợ gốc cho Ngân hàng tuy nhiên đến nay bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán vốn vay và không trả lãi khi đến hạn là phù hợp theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày tại biên bản hòa giải cùng tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà L trả vốn gốc còn lại theo Hợp đồng cho vay với số tiền 430.000.000 đồng là phù hợp.

Về lãi, lãi suất của hợp đồng tín dụng:

Bị đơn bà L không thống nhất nợ lãi, cho rằng Ngân hàng tính lãi như vậy là không đúng quy định. Tuy nhiên trong suốt quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cho đến nay bị đơn không đưa ra chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến trình bày của mình; bị đơn cũng thừa nhận chưa trả lãi như trình bày của nguyên đơn, tuy nhiên xin cơ cấu lại nợ, giảm lãi, phí phạt.

Khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng quy định về lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng như sau: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định như sau: Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay theo thỏa thuận, thì khách hàng phải trả lãi tiền vay như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; c) Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá

hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Do đó, các thỏa thuận về lãi, lãi suất trong hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019, Giấy nhận nợ số 05 ngày 04/11/2019 giữa NHTMCPNTVN và bà NTTL, là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bà NTTL trả lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 15/11/2023 như sau:

+ Lãi trong hạn: 144.111.233 đồng

+ Lãi quá hạn trên nợ gốc: 66.532.329 đồng

Đồng thời bà NTTL tiếp tục tính lãi kể từ ngày 15/11/2023 đến khi trả hết nợ với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019, Giấy nhận nợ số 05 ngày 04/11/2019 giữa NHTMCPNTVN và bà NTTL.

[2.2] Đối với khoản vay từ thẻ tín dụng Quốc tế ngày 26/10/2017 của Bà NTTL yêu cầu Ngân hàng phát hành loại thẻ tín dụng quốc tế sau đây:

- Loại thẻ: Vietcombank MasterCard
- Loại hình: Thẻ cá nhân
- Hạn mức tín dụng: 50.000.000 đồng
- Hiệu lực: 36 tháng
- Hình thức bảo đảm thẻ: Khách hàng vay thế chấp

Sau khi Ngân hàng phát hành loại thẻ tín dụng quốc tế nêu trên theo yêu cầu, bà NTTL đã sử dụng để chi tiêu và còn dư nợ gốc, nợ lãi và phí phạt đến ngày 15/11/2023 là 266.793.606 đồng (trong đó nợ gốc là: 49.865.842đ, nợ lãi là: 31.797.218 đồng, phí phạt vượt hạn mức là: 39.367.189 đồng, lãi phạt do chậm thanh toán 145.763.357 đồng).

[2.3] Về hợp đồng thế chấp:

Để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019. Bà NTTL đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 496/2015/VCB.AG ngày 04/10/2016 để thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 865118, số vào sổ cấp GCN: CH02093 do UBND huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2011; thửa đất số: 1453; tờ bản đồ số: 5; địa chỉ thửa đất: xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; diện tích: 20.000 m²; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa..

Hội đồng xét xử xét thấy, việc thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với hợp đồng cho vay nên được chấp nhận. Do đó, trong trường hợp bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ, không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ

quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cưỡng chế để xử lý các tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

[2.4] Về việc hợp đồng thuê tài sản bảo đảm của ông NVP:

Qua thẩm định tại chỗ tài sản bảo đảm nêu trên vẫn còn tồn tại và đang được bà L cho ông Nguyễn Văn Phường thuê canh tác theo mùa vụ, Tòa án có đưa ông Phường vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án tuy nhiên ông Phường có lời trình bày: Không có tranh chấp gì liên quan đến vụ án này nên xin vắng mặt. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.5] Về chi phí thẩm định tại chỗ:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bị đơn phải chịu chi phí này. Tuy nhiên Ngân hàng tự nguyện chịu và đã nộp xong số tiền 800.000 đồng chi phí thẩm định tại chỗ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 5 Điều 422 Bộ luật Dân Sự năm 2015;

Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn NHTMCPNTVN đối với bà NTTL.

- Buộc bà NTTL có nghĩa vụ trả cho NHTMCPNTVN tổng số tiền: 907.437.168 đồng. Bao gồm:

+ Tổng số tiền phải trả theo hợp đồng tín dụng 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 là 640.643.562 đồng. Trong đó, nợ gốc là 430.000.000 đồng, lãi trong hạn 144.111.233 đồng, lãi phạt gốc quá hạn trên nợ gốc: 66.532.329 đồng.

Bà NTTL tiếp tục trả lãi kể từ ngày 16/11/2023 đến khi trả hết nợ với mức lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay theo hạn mức số 05/2019/VCB.AG ngày 02/01/2019 giữa NHTMCPNTVN và bà NTTL; Giấy nhận nợ số 05 ngày 04/11/2019 của bà NTTL.

+ Tổng số tiền phải trả theo thẻ tín dụng mở ngày 26/10/2017 loại thẻ tín dụng quốc tế (Vietcombank MasterCard) là 266.793.606 đồng. Trong đó nợ gốc là 49.865.842 đồng, lãi trong hạn 31.797.218 đồng, phí vượt hạn mức 39.367.189 đồng, lãi phạt do chậm thanh toán 145.763.357 đồng.

Bà NTTL tiếp tục trả lãi kể từ ngày 16/11/2023 đến khi trả hết nợ đối với thẻ tín dụng quốc tế mở ngày 26/10/2017.

2. NHTMCPNTVN có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 496/2015/VCB.AG ngày 04/10/2016 được ký kết giữa NHTMCPNTVN với bà NTTL. Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 865118, số vào sổ cấp GCN: CH02093 do UBND huyện Châu Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 28/11/2011; thửa đất số: 1453; tờ bản đồ số: 5; địa chỉ thửa đất: xã Bình Phú, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang; diện tích: 20.000 m²; mục đích sử dụng: Đất trồng lúa.

3. Về chi phí thẩm định tại chỗ: Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam tự nguyện chịu số tiền 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng) chi phí thẩm định tại chỗ (đã nộp xong)

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà NTTL phải chịu 39.223.115 đồng (Ba mươi chín triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn, một trăm mười lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam số tiền 16.991.000 đồng (*Mười sáu triệu, chín trăm chín mươi một nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005178 ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án 15 hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND.AG;
- VKSND huyện CP;
- THA huyện CP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu: hồ sơ, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yên Anh